

Số: 2185/BVĐK-DUOC

Ninh Bình, ngày 20 tháng 12 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, kinh doanh hoá chất

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua hoá chất sử dụng trong 24 tháng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình. (Nếu có các vấn đề cần làm rõ, đề nghị liên hệ Bà Nguyễn Thị Thu Giang, SĐT 0942.526.996 để được giải đáp)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các công ty gửi trực tiếp bản giấy báo giá hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát về địa chỉ sau đây (ghi trên bao bì báo giá):

Bộ phận Văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 02293 871 030.

Đồng thời công ty báo giá gửi bản scan và file mềm vào địa chỉ email : **duocbvdknb@gmail.com**

Thời điểm tiếp nhận báo giá được tính là thời điểm nhận báo giá bản giấy hoặc thời điểm nhận bản scan qua email (*thời điểm báo có thu đến*).

Lưu ý: Các công ty gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hoá chất báo giá

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Thư mời này được đăng tải công khai trên Website của bệnh viện và trang muasamcong.mpi.gov.vn/web/guest

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 210 ngày kể từ ngày phát hành.

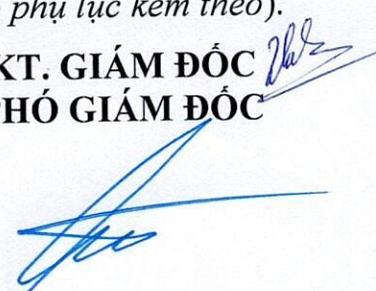
II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục yêu cầu báo giá và mẫu báo giá (có phụ lục kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Phòng CTXH (để đăng tải);
- Lưu: VT, Dực.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Tuyên

Phụ lục

(Kèm theo Công văn số 2185/BVĐK-DUOC ngày 20/12/2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa xin báo giá	Thông số kỹ thuật xin báo giá	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ xin báo giá
a02	Cồn 70 Độ	Thành phần: $\geq 70\%$ v/v Ethanol Quy cách đóng gói: can ≤ 20 lít	lít	8.445
a03	Cồn 90 độ	Thành phần: - Cồn Ethanol $\geq 90\%$. Quy cách đóng gói: can ≤ 20 lít	lít	866
a04	Cồn Tuyệt Đối	Thành phần: Ethanol $\geq 99\%$. Quy cách đóng gói: ≤ 1 lít	lít	468
a06	Dung dịch Javen	Công thức phân tử: NaOCl Trạng thái: dạng lỏng Nồng độ dao động trong khoảng 12-15%.	lít	1.121
a07	Gel bôi trơn	Tuýp $\geq 82g$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	gam	225.992
a08	Gel điện tim	Gel điện tim. Lọ $\geq 250ml$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	tuyp	304
a09	Gel siêu âm	Dạng gel, dùng để siêu âm. Can ≥ 5 lít. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	lít	2.158
a15	Chloramine B	Hoá chất chloramine B, dạng bột	kg	312
a20	Dung dịch xanh methylen	dung dịch là dạng lỏng thành phần chính là methylene blue kết hợp với nước tinh khiết	Lít	1
a21	Dung dịch indigo carmine	Là dung dịch nước 8% +0.1% có màu xanh lam, thể tích 10ml	Lọ	2
a22	Dung dịch lugol 3-5%	là chất lỏng trong, màu nâu, hoà tan trong nước theo tỷ lệ bất kỳ. Thành phần iodine 15g, kali iodua vừa đủ 500ml	Lít	2
a23	Thuốc hàn ống tủy	- Thuốc trám bit ống tủy trong điều trị nội nha. Vật liệu có tính tương hợp sinh học và cản quang. Hỗ trợ giảm đau kháng viêm. Thành phần chính: Presnison Acetate - Quy cách đóng gói: Hộp $\geq 25g$	Hộp	2
a24	Vật liệu trám tạm	Vật liệu trám tạm dùng trám tạm theo dõi hoặc trám tạm trong quá trình chữa tủy Quy cách Hộp $\geq 30g$	Hộp	5
a25	Keo dán nha khoa	Keo dán nha khoa dùng để liên kết với cấu trúc răng, tạo ra liên kết với vật liệu phục hồi, thường dùng trên men và ngà răng, áp dụng trong quy trình trám răng. Quy cách Lọ $\geq 5ml$	lọ	5
a26	Acid Phosphoric 37%	Dùng để làm mòn men răng trong quá trình thực hành điều trị nha khoa, Thành phần: acid Phosphoric 37%	lọ	4
a27	Xi măng gắn	Xi măng có khả năng phóng thích fluoride, ngăn ngừa sâu răng. Độ giãn nở tương tự mô răng thật giúp giảm thiểu áp lực lên vùng biên của miếng trám. Quy cách Hộp $\geq 15g$	hộp	1
a28	Xi măng trám	Xi măng trám phù hợp cho kỹ thuật trám răng không sang chấn. Quy cách Hộp $\geq 35g$.	hộp	2
a29	Bột calcium hydroxide	Bột calcium hydroxide sát trùng dùng trong ống tủy. Có tác dụng trong trám tủy tạm, che tủy bằng calci bột, giúp bảo vệ tủy và cách ly tủy trong trường hợp răng sâu nặng. Quy cách: Lọ $\geq 10g$	lọ	3
a30	Thuốc sát trùng tủy	Dung dịch sát trùng tủy với thành phần chlorhexidine diiguconate, hiệu quả trong những trường hợp nhiễm trùng tủy, nhiễm trùng tủy thối. Quy cách: lọ $\geq 10ml$	lọ	4
a31	Dung dịch eugenol	Dùng làm thuốc băng ống tủy hoặc kết hợp với các loại bột thuốc trám bit ống tủy trong điều trị nội nha. Quy cách đóng gói Lọ $\geq 30ml$	lọ	3
a32	Xi măng trám	Xi măng trám phù hợp cho kỹ thuật trám răng không sang chấn. Quy cách Tuýp $\geq 5g$	tuyp	10
a33	Dung dịch nhuộm tế bào hồng cầu lưới bằng kính hiển vi	Dung dịch nhuộm tế bào hồng cầu lưới bằng kính hiển vi - Thể tích : ≥ 100 ml - TCCL: ISO 13485	Lọ	3

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa xin báo giá	Thông số kỹ thuật xin báo giá	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ xin báo giá
a34	Dung dịch Copper (II) Sulfate pentahydrate (Cuso4.5H2O)	Dung dịch Copper (II) Sulfate pentahydrate (Cuso4.5H2O) 250g - Chai ≥ 500g - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Chai	6
a35	Acid acetic 3%	Dạng lỏng, trong suốt không màu, có mùi đặc biệt, dễ bắt lửa, tan trong nước và rượu. Thành phần acid acetic 3% và nước cất tinh khiết	Lít	2
a40	Phenol	Dạng rắn. Nồng độ ≥ 99.9 %. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	gam	1.300
a41	Acid acetic	Dạng dung dịch. Nồng độ ≥ 99.9 %. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	1.300
a43	Giấy đo pH chỉ thị màu	- Giấy đo pH chỉ thị màu có thang đo pH từ 1 - 14.	tờ	780
a44	Dung dịch KOH 10%	Dung dịch KOH 10%	ml	1.300
a45	Dung dịch KOH 20%	Dung dịch KOH 20%	ml	1.300
a46	Mực tàu	- Dùng để phát hiện Cryptococcus spp. - Thành phần bao gồm: 0.5 mL dung dịch India ink. - Nhiệt độ bảo quản: 15–30°C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ống	130
a47	Dung dịch đậm Michaelis pH 7,35	Đóng thành chai thủy tinh tối màu dùng trong xét nghiệm đông máu ; PH 7,35 ; chai ≥ 500ml	ml	1.000
a48	Acid acetic	Dung dịch acid acetic đậm đặc; chai ≥ 100ml	ml	200
a49	CaCl2	Calciumchlorid , lọ ≥ 500g	g	1.000
a77	Acid HCl	HCL dùng để pha cồn axit. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	lít	2
a78	Acid Nitric	HNO3 dùng để pha khử xương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	lít	2
a94	Hoá chất khử men nội sinh trong nhuộm hoá mô miễn dịch	- Hoá chất khử men nội sinh là tác nhân gây dương tính giả trong nhuộm hóa mô miễn dịch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Quy cách đóng gói: ≥ 200ml	ml	400
a96	Bộ dung dịch khuếch đại kháng nguyên trong nhuộm hóa mô miễn dịch	- Bộ kháng thể 2 và khuếch đại, bộ gồm 2 lọ. - Quy cách đóng gói: ≥ 100ml - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	ml	400
a97	Bộ nhuộm miễn dịch huỳnh quang	Bộ nhuộm miễn dịch huỳnh quang. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	bộ	1
a98	Muối Na2HPO4. 12H2O	Dùng để pha Formol đậm trung tính	gam	1.000
a99	Muối NaH2PO4. 2H2O	Dùng để pha Formol đậm trung tính	gam	1.000
a209	Chủng chuẩn Candida krusei ATCC® 6258™	Hộp ≥ 5 que cấy đóng gói riêng. Mỗi gói chứa ≥ 1 que cấy đầu vòng tròn gắn chủng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	que	5
a218	Chất kiểm chuẩn dùng cho máy xét nghiệm phân tích cận lắng nước tiểu tự động	Chất kiểm chuẩn dùng cho máy xét nghiệm phân tích cận lắng nước tiểu tự động. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy phân tích cận lắng nước tiểu UF-4000.	ml	480
a219	Dung dịch nhuộm các thành phần RBC, CASTS	Dung dịch nhuộm các thành phần RBC, CASTS, ... trong nước tiểu hoặc dịch cơ thể. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy phân tích cận lắng nước tiểu UF-4000.	ml	290
a220	Dung dịch nhuộm tế bào WBC, EC, BACT	Dung dịch nhuộm tế bào WBC, EC, BACT... trong nước tiểu hoặc dịch cơ thể. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy phân tích cận lắng nước tiểu UF-4000.	ml	290

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa xin báo giá	Thông số kỹ thuật xin báo giá	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ xin báo giá
a221	Dung dịch pha loãng xác định các thành phần có nhân	Dung dịch pha loãng, sử dụng cùng với hoá chất khác để xác định các thành phần có nhân (WBC, EC, BACT). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy phân tích cận lắng nước tiểu UF-4000.	Lít	12.6
a222	Dung dịch pha loãng xác định các thành phần không có nhân	Dung dịch pha loãng, sử dụng cùng với hoá chất khác để xác định các thành phần không có nhân (RBC, CASTS...). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy phân tích cận lắng nước tiểu UF-4000.	Lít	12.6
a223	Dung dịch tạo dòng	Dung dịch tạo dòng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy phân tích cận lắng nước tiểu UF-4000.	Lít	960
a232	Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học	Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy xét nghiệm huyết học XT 1800i.	ml	2.850
a233	Hóa chất đo nồng độ huyết sắc tố dùng cho máy huyết học	Hóa chất ly giải hồng cầu nhằm xác định nồng độ huyết sắc tố trong mẫu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy xét nghiệm huyết học XT 1800i.	Lít	65
a234	Hóa chất ly giải được sử dụng để phân tích bạch cầu dùng cho máy huyết học	Hóa chất ly giải để phá vỡ hồng cầu và chất nền tế bào, được sử dụng để phân tích các thành phần bạch cầu và số lượng bạch cầu trên máy phân tích huyết học. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy xét nghiệm huyết học XT 1800i.	Lít	265
a235	Hóa chất nhuộm tế bào bạch cầu dùng cho huyết học	Dung dịch nhuộm tế bào bạch cầu, giúp đếm chính xác các thành phần bạch cầu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy xét nghiệm huyết học XT 1800i.	ml	6.174
a236	Máu chuẩn dùng cho máy phân tích huyết học dùng để nội kiểm mức	- Máu chuẩn dùng cho máy huyết học XT1800i -TCCL: ISO 13485	ML	258
a237	Máu chuẩn dùng cho máy phân tích huyết học dùng để nội kiểm mức cao	- Máu chuẩn dùng cho máy huyết học XT1800i -TCCL: ISO 13485	ML	258
a238	Hóa chất pha loãng máu toàn phần sử dụng cho máy huyết học tự	Hóa chất pha loãng máu toàn phần sử dụng cho máy huyết học. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy xét nghiệm huyết học XT 1800i.	Lít	5.220
a239	Hóa chất sử dụng để phân tích bạch cầu dùng cho máy huyết học	Hóa chất sử dụng để phân tích số đếm bạch cầu hạt ưa kiềm Basophil và tổng số đếm bạch cầu bằng phương pháp đếm tế bào dòng chảy sử dụng laser bán dẫn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy xét nghiệm huyết học XT 1800i.	Lít	265
a240	Dung dịch làm sạch và khử trùng quả lọc thận nhân tạo	pH: 1,5 - 3,5 Các thành phần: axit Peracetic: $\geq 4.5\%$, Hydrogen peroxide $\geq 10\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO13485.	lít	1.560
a241	Dung Dịch Rửa Máy Lọc Thận	Thành phần: Acid Citric nồng độ $\geq 20\%$ Hoặc Peracetic acid $\geq 1.73\%$, Hydrogen peroxide $\leq 5.95\%$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	lít	678
a242	Bộ thuốc thử định lượng D-Dimer trong huyết tương	Sử dụng để định lượng D-Dimer trong huyết tương người Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động CS 2000i và máy xét nghiệm đông máu CS 1600(tương thích hoàn toàn)	Hộp	10

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa xin báo giá	Thông số kỹ thuật xin báo giá	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ xin báo giá
a243	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm kháng đông lupus mức cao	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm kháng đông lupus mức cao Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động CS 1600 + CS 2000i (tương thích hoàn toàn với máy)	ml	14
a244	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm kháng đông lupus mức thấp	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm kháng đông lupus mức thấp Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động CS 1600 + CS 2000i (tương thích hoàn toàn với máy)	ml	14
a245	Hóa chất xét nghiệm sàng lọc kháng đông lupus	Hóa chất xét nghiệm sàng lọc kháng đông lupus Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động CS 1600 + CS 2000i (tương thích hoàn toàn với máy)	ml	48
a246	Hóa chất xét nghiệm kháng định kháng đông lupus	Hóa chất xét nghiệm kháng định kháng đông lupus Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động CS 1600 + CS 2000i (tương thích hoàn toàn với máy)	ml	24
a247	Hồng cầu mẫu	- Dung dịch hồng cầu 5% gồm 3 lọ : hồng cầu mẫu A, hồng cầu mẫu B, hồng cầu mẫu O . Thể tích mỗi lọ \geq 10ml - Hạn sử dụng : 2 - 8°C - TCCL: ISO 13485	Bộ	50
a248	Panel hồng cầu sàng lọc kháng thể bất thường	- Dung dịch hồng cầu 5% hồng cầu sàng lọc kháng thể bất thường gồm 3 lọ : hồng cầu O1, hồng cầu O2, hồng cầu O3. Thể tích mỗi lọ \geq 10ml - Hạn sử dụng : 2 - 8°C - TCCL: ISO 13485	Bộ	25
a249	Hóa chất sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu	- Sử dụng để đo số lượng và kích cỡ của Hồng cầu và tiểu cầu - TCCL: ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn trên máy xét nghiệm huyết học XN-1000	Lít	9.200
a250	Hóa chất xác định nồng độ huyết sắc tố trong mẫu máu	- Hóa chất xác định nồng độ huyết sắc tố (hemoglobin) trong máu ' - TCCL: ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn trên máy xét nghiệm huyết học XN-1000	Lít	136
a251	Hóa chất ly giải dùng cho máy phân tích huyết học sử dụng để phân tích số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu	- Công dụng: sử dụng để phân tích số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu ái kiềm, số lượng và tỉ lệ phần trăm tế bào hồng cầu nhân - TCCL: ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn trên máy xét nghiệm huyết học XN-1000	Lít	420
a252	Hóa chất ly giải cho máy phân tích huyết học dùng để phân tích số lượng và tỷ lệ các bạch cầu trung tính, lympho,	- Công dụng: Được dùng để phân tích số lượng và tỉ lệ phần trăm bạch cầu trung tính, bạch cầu lympho, bạch cầu mono và bạch cầu ưa axit. - TCCL: ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn trên máy xét nghiệm huyết học XN-1000	Lít	410

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa xin báo giá	Thông số kỹ thuật xin báo giá	Đơn vị tính	Số lượng dự trữ xin báo giá
a253	Hóa chất sử dụng để đánh dấu các tế bào có nhân để xác định số lượng bạch cầu, bạch cầu basophils, hồng cầu nhân	- Công dụng: sử dụng để đánh dấu các tế bào có nhân trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải để xác định số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu ái kiềm và số lượng tế bào hồng cầu có nhân trong máu. - TCCL: ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn trên máy xét nghiệm huyết học XN-1000	MI	5.576
a254	Hóa chất đánh dấu các tế bào bạch cầu để phân loại các thành phần bạch cầu bạch cầu trung tính, lympho.	- Công dụng: sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu. - TCCL: ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn trên máy xét nghiệm huyết học XN-1000	MI	5.460
a255	Hóa chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh sử dụng trên máy huyết học tự động	- Công dụng: được sử dụng như một chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh để loại bỏ các thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy phân tích huyết học. - TCCL: ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn trên máy xét nghiệm huyết học XN-1000	MI	2.880
a256	Dung dịch pha loãng dùng cho phân tích hồng cầu lưới	- Công dụng: sử dụng trong phân tích hồng cầu lưới và trong phân tích tiểu cầu - TCCL: ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn trên máy xét nghiệm huyết học XN-1000	Lit	20
a257	Dung dịch nhuộm để đo hồng cầu lưới	- Công dụng: được sử dụng để đánh dấu hồng cầu lưới trong các mẫu máu đã được pha loãng nhằm xác định số lượng hồng cầu lưới, tỷ lệ phần trăm hồng cầu lưới và số lượng tiểu cầu - TCCL: ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn trên máy xét nghiệm huyết học XN-1000	MI	168
a258	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần, phân loại các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu	Công dụng: được sử dụng như vật liệu kiểm soát huyết học nhằm kiểm soát chất lượng nội bộ trên hệ thống máy phân tích huyết học cho công thức máu toàn phần, các loại bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu nhân. - TCCL: ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn trên máy xét nghiệm huyết học XN-1000	MI	258
a259	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần, phân loại các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu	Công dụng: được sử dụng như vật liệu kiểm soát huyết học nhằm kiểm soát chất lượng nội bộ trên hệ thống máy phân tích huyết học cho công thức máu toàn phần, các loại bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu nhân. - TCCL: ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn trên máy xét nghiệm huyết học XN-1000	MI	258
a260	Vật liệu kiểm soát cho công thức máu toàn phần, phân loại các thành phần bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu	Công dụng: được sử dụng như vật liệu kiểm soát huyết học nhằm kiểm soát chất lượng nội bộ trên hệ thống máy phân tích huyết học cho công thức máu toàn phần, các loại bạch cầu, hồng cầu lưới, hồng cầu nhân. - TCCL: ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn trên máy xét nghiệm huyết học XN-1000	MI	258
a261	Chất hiệu chuẩn cho các thông số WBC, RBC, HGB, HCT, PLT và RET.	Công dụng: Chất hiệu chuẩn trên hệ thống máy huyết học dùng để hiệu chuẩn và xác nhận hiệu chuẩn cho các thông số WBC, RBC, HGB, HCT, PLT và RET - TCCL: ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn trên máy xét nghiệm huyết học XN-1000	ML	6

Mẫu báo giá

(Kèm theo Yêu cầu báo giá báo giá số 2185/BVĐK-DUOC ngày 20/12/2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

Công ty...
Địa chỉ...
Điện thoại...
Email...

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá các hoá chất như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Mã hiệu sản phẩm	Mã HS	Năm SX	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)
1													
2													
3													
...													
Tổng số: ... mặt hàng													

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hoá chất)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 210 ngày]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày.....tháng.....năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)